

**TỔNG CÔNG XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 185**



“DỰ THẢO”
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 185

NGHỆ AN, THÁNG 08 NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty	6
Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 4. Vốn điều lệ.....	8
Điều 5. Cổ phần.....	8
Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần	9
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 8. Chào bán cổ phần	10
Điều 9. Phát hành trái phiếu	11
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần.....	11
Điều 11. Thừa kế cổ phần	12
Điều 12. Thu hồi cổ phần.....	13
CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý	14
CHƯƠNG V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 14. Quyền của cổ đông	14
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25

CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị ...	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	31
CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC NGHĨA VỤ KHÁC	32
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	32
Điều 34. Thư ký Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Cán bộ quản lý.....	34
Điều 36. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm	35
CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 37. Ban kiểm soát.....	35
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	36
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	37
Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	37
Điều 42. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	38
Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	38
CHƯƠNG IX. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	39
Điều 44. Phân phối Lợi nhuận.....	39
Điều 45. Cổ tức.....	39
CHƯƠNG X. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .	40
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 47. Năm tài khóa	40
Điều 48. Hệ thống kế toán.....	40
CHƯƠNG XI. CON DẤU	41
Điều 49. Con dấu	41
CHƯƠNG XII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 51. Thủ tục giải thể Công ty	41

Điều 52. Phá sản	42
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG XIV. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	43
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
Điều 55. Ngày hiệu lực	43

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 185 được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 185.
3. Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất tổ chức vào ngày tháng năm 2016;

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- (a) “*Vốn điều lệ*” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
- (b) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Trường Sơn 185.
- (c) *Luật doanh nghiệp* là Luật số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.
- (d) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty.
- (a) *Cán bộ quản lý* là thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban Giám đốc; Thành viên Ban kiểm soát; Kế toán trưởng và các Trưởng phòng của Công ty.
- (b) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2014.
- (c) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- (d) *Cổ phiếu* là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty.
- (e) *Cổ phần được quyền chào bán* là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm đăng

ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà Công ty sẽ bán, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.

- 1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty

2.1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 185.**
- Tên tiếng Anh: **TRUONG SON 185 JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY 185.**

2.2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: (038) 3858311.
- Fax: (038) 3858159.

- Logo công ty:



2.4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật.

2.5. Các đơn vị trực thuộc gồm các Xí nghiệp và Đội xây lắp, Tổ kinh doanh.

2.6. Công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật không cấm.

Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

3.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm cả xây dựng cầu, đường, đường sắt, đường ngầm, đường băng máy bay, đường ống);
- Xây dựng công trình công ích (bao gồm cả xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (bao gồm cả các nhà máy lọc dầu, xây dựng đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, cửa cống, đập và đê, xây dựng đường hầm...);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;

- Kiểm tra phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động sản xuất – kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận cho các Cổ đông của Công ty; tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động và thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3.3. Phạm vi kinh doanh

Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công ty chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty đối với mọi nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý mà Công ty cam kết.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 4. Vốn điều lệ

- 4.1. Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi lăm tỷ đồng Việt Nam*).
- 4.2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4.3. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số .../QĐ-BQP ngày ...2016 của Bộ Quốc phòng, Công ty không có cổ đông sáng lập

Điều 5. Cổ phần

- 5.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 (*Bằng chữ: Năm triệu cổ phần*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần.
- 5.2. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

- 5.3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần (gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật và văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

- 6.1. Cổ đông của Công ty được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu để xác nhận quyền sở hữu đối với số cổ phần đó.
- 6.2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định pháp luật.
- 6.3. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại, người sở hữu cổ phần có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - (a) Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thực sự đã bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;
 - (b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới
 - (c) Đối với số lượng cổ phần có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

- 7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 7.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - (e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 7.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại đơn vị độc lập do Công ty thuê làm dịch vụ quản lý cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 7.4. Trường hợp cổ đông có bất cứ thông tin thay đổi nào (Số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh thư nhân dân, địa chỉ liên lạc, điện thoại..vv...) thì phải thông báo kịp thời với Công ty hoặc đơn vị lý cổ đông của Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không nhận được thông tin thay đổi của cổ đông.

Điều 8. Chào bán cổ phần

- 8.1 Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- 8.2 Công ty có thể chào bán cổ phần thực hiện theo các hình thức sau:
- (a) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
 - (b) Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - (c) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- 8.3 Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan đối với mỗi hình thức chào bán.
- 8.4 Trường hợp Công ty chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:
- (a) Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.
 - (b) Thông báo phải có các thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật;

- (c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác nhưng phải phù hợp với quy định của đợt phát hành và Quy chế giao dịch cổ phần của Công ty;
- (d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8.5 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Điều 9. Phát hành trái phiếu

- 9.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 9.2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp hạn chế theo quy định của pháp luật.
- 9.3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần

- 10.1. Tất cả các cổ phần của Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 10.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 10.3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

- 10.4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 10.5. Phí chuyển nhượng cổ phần: cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần có trách nhiệm nộp phí chuyển nhượng cổ phần theo mức phí quy định của Công ty tại từng thời điểm.
- 10.6. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
- (a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - (b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 130 Luật Doanh nghiệp này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
 - (c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.
 - (d) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 11. Thừa kế cổ phần

- 11.1. Trong trường hợp khi có cổ đông cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó sẽ là cổ đông của Công ty.

Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp giữa những người thừa kế.

- 11.2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa hợp pháp quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.
- 11.3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

- 12.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cộng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
- 12.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, địa điểm thanh toán và trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 12.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn.
- 12.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 12.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi, tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.
- 12.6. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

12.7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Hội đồng quản trị;
- (c) Ban kiểm soát.
- (d) Ban giám đốc gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc;

CHƯƠNG V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

14.1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

14.2. Cổ đông là người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- (a) Tham gia và phát biểu trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- (b) Nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu;
- (c) Chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ và Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty;
- (d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- (e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- (g) Trường hợp Công ty giải thể, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- (h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;
- (i) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật áp dụng.

14.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

- (a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
- (c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 14.4 Điều này.
- (d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- (e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- (f) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

14.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

- (a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- (b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- (c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- (d) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

- 15.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 15.2. Thanh toán tiền mua cổ phần cam kết mua theo quy định pháp luật áp dụng;
- 15.3. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- 15.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 15.5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và giá trị thiệt hại xảy ra.
- 15.6. Khi chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ theo các thủ tục quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty.
- 15.7. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
- 15.8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Tất cả các cổ đông đều phải đăng ký địa chỉ liên lạc của mình với Công ty, và phải thông báo lại cho Công ty khi có sự thay đổi về địa chỉ liên lạc.
- 15.9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các siao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi

ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

15.10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

16.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

16.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

16.3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- (b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- (d) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp:
 - (*) Điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - (*) Điều chỉnh các nội dung mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- (f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- (g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- (h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- (i) Quyết định tổ chức lại (thay đổi cơ cấu tổ chức đã quy định tại Điều 12 của Điều lệ), giải thể Công ty;
- (j) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 17. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.
- 17.2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- (a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - (b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - (c) Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- 17.3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 18.4(b) hoặc Điều 18.4(c).
- 18.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, phương thức phù hợp (bao gồm cả phương thức trực tuyến). Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- (a) Báo cáo tài chính hằng năm;
- (b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- (c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- (d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- (e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và do Hội đồng quản trị đề xuất.

18.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 và Điều 14.4 của Điều lệ này;
- (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

18.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- (a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 18.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 18.3(c) hoặc 18.3(d).
- (b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18.4(a) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- (c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18.4(b) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 18.3(c) có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- (d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

18.5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

18.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo mời họp phải có các nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật.

18.7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

18.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Điều 18.7 trong các trường hợp sau:

- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- (b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

18.9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 18.7 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.7; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

18.10. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày (20) kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 19.4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 20.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 20.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết.
- 20.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 20.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại

hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- 20.5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
- 20.6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong trường hợp:
- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội.

- 20.7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 20.6, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 20.8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 20.9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng biểu quyết tại cuộc họp có giá trị như nhau.

- 21.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự tán thành:
- (a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - (d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - (e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 21.3 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.2 và khoản 21.4 Điều này.
- 21.4 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.
- 21.5 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 21.6 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 22.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- 22.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến từng cổ đông theo địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty.
- 22.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
- 22.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- 22.5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- 22.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.
- 22.7. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 22.8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 22.9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 22.10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 23.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản ghi chép, biên bản, chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

- 23.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 23.3. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đại hội.
- 23.4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp và văn bản ủy quyền phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 24.2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 25.1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều luật 114 của luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 148 của luật Doanh nghiệp.
 - (b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 25.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

26.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

26.2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- (b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- (c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (d) Quyết định việc phát hành trái phiếu trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước thì phải thông qua Đại hội đồng cổ đông;
- (e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các loại chứng khoán khác (nếu có) của Công ty;
- (f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;
- (g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (j) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Cán bộ quản lý khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- (l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- (m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- (n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- (o) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- (p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- (r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

26.3. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác;
- (b) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (c) Được quyền giám sát và yêu cầu các nhân viên trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- (d) Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
- (e) Thực hiện Điều lệ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

27.2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định Khoản 2, Điều 18 Luật doanh nghiệp;

- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và **không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.**
- c) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật

27.3. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và dồn phiếu bầu cho người do họ đề cử. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:

- (a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- (b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- (c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- (d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% trở lên được đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

27.4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề xuất được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn.

27.5. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

28.1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

28.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- (c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- (e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

28.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nếu chủ tịch không hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.

28.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

29.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

29.2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

29.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- 29.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 30.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 29.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 29.6. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty
- 29.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 29.8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 29.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

29.10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị

30.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

30.2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

30.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

31.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, các Cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

31.2. Giám đốc, Phó Giám đốc, các Cán bộ quản lý khác được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

32.1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị và bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo điều 26 Điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp;
- (b) Có đơn xin từ chức;
- (c) Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- (e) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

32.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

32.3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong

thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC NGHĨA VỤ KHÁC

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

- 33.1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty.
- 33.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - (b) Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh.
- 33.3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
- 33.4. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - (f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - (g) Tuyển dụng lao động;
 - (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - (i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

33.5. 4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 34. Thư ký Hội đồng quản trị

34.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

- (a) Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (b) Lập biên bản, dự thảo nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dự thảo nghị quyết các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông;
- (c) Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác trong ghi chép nội dung biên bản họp;
- (d) Lưu giữ biên bản, nghị quyết các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- (e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- (f) Được hưởng thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- (g) Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật.

Điều 35. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Cán bộ quản lý

- 35.1. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý, các cán bộ quản lý cấp phó phòng của Công ty cam kết bảo mật nội dung các quy định tại Điều lệ này cũng như các thông tin, tài liệu liên quan đến bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin quản trị nội bộ hoặc các thông tin, tài liệu mật khác có được trong quá trình công tác, thực thi quyền và nghĩa vụ tại Công ty;
- 35.2. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được áp dụng trong cả các tình huống có phát sinh bất đồng, tranh chấp (nếu có) giữa các Cổ đông của Công ty, giữa cổ đông Công ty với Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý hoặc các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty;
- 35.3. Việc công bố các tài liệu, thông tin mật nêu trên sẽ chỉ được phép khi có quyết định bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 35.4. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty vi phạm nghĩa vụ về bảo mật thông tin được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật;
- 35.5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty cam kết hành động vì lợi ích chung của Công ty, không thực hiện các hành vi, hoạt động mâu thuẫn với lợi ích Công ty hoặc gây phương hại đến lợi ích chung của Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên và Cổ đông của Công ty;
- 35.6. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quyền lợi của cá nhân và quyền lợi chung của Công ty, hành động vì quyền lợi chung của Công ty sẽ được ưu tiên và khuyến khích;
- 35.7. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm;
- 35.8. Các Cán bộ quản lý có nghĩa vụ sau:
- (i) Tuân thủ điều kiện về hạn chế chuyển nhượng cổ phần do mình sở hữu (nếu có) theo đúng quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty;
 - (ii) Các nghĩa vụ khác của Cán bộ quản lý được quy định theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm

36.1. Trong trường hợp cổ đông vi phạm quy định về chuyển nhượng cổ phần, quy định về bảo mật, quy định về không gây phương hại tới lợi ích chung, bị tòa án kết án tù giam, hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định chỉ định Công ty mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông để làm cổ phiếu quỹ (nếu Công ty đủ điều kiện) hoặc chỉ định một hoặc một số cổ đông Công ty là Cán bộ quản lý mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông vi phạm. Giá mua lại cổ phần được xác định bởi một đơn vị định giá độc lập. Công ty sẽ giới thiệu ba (03) đơn vị định giá độc lập để Cổ đông vi phạm lựa chọn một đơn vị. Chi phí định giá do bên mua lại chịu.

CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ban kiểm soát

- 37.1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, Ban kiểm soát có 03 thành viên, Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 37.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 37.3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.
- 37.4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 37.5. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát và đơn phiếu bầu cho người do họ đề cử. Nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định khác thì số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:
- (a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - (b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - (c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- 38.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- 38.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
- 38.3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 39.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 39.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 39.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- 39.4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 39.5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này.
- 39.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 39.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 39.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 39.9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 39.10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 39.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 39.12. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 39.13. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 40.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 40.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- 40.3 Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 40.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
- 40.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

- 41.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

- 41.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 41.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 42. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

- 42.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 42.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- 42.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 42.4. Trường hợp vi phạm quy định gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
- 42.5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 43.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 43.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IX. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối Lợi nhuận

44.1. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ như sau:

- (a) Trích lập quỹ Đầu tư phát triển;
- (b) Quỹ Dự phòng tài chính;
- (c) Quỹ khen thưởng phúc lợi;

Mức trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định theo phương án sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

44.2. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 45. Cổ tức

45.1. Cổ tức trả cho cổ đông được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

45.2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa liên hệ của cổ đông.

45.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

45.4. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

- 45.5. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đó được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 45.6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

CHƯƠNG X.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

- 46.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 46.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 46.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Hệ thống kế toán

- 48.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 48.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 48.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

- 49.1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật.
- 49.2. Công ty chỉ sử dụng một (01) con dấu chính thức. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.
- 49.3. Hội đồng quản trị, Giám đốc phải sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 49.4. Giám đốc (hoặc người được giao nhiệm vụ) chịu trách nhiệm quản lý con dấu của Công ty.

CHƯƠNG XII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

- 50.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - (a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (b) Giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - (d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định;
- 50.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 51. Thủ tục giải thể Công ty

- 51.1. Thông qua quyết định giải thể Công ty.
- 51.2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.
- 51.3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

Trường hợp pháp luật có yêu cầu thì Công ty thực hiện việc thông báo về quyết định giải thể trên báo giấy hoặc báo điện tử theo quy định pháp luật.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

51.4. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- (a) Chi phí thanh lý tài sản;
- (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- (c) Nợ thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay;
- (e) Các khoản nợ khác;
- (f) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

51.5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

51.6. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 52. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIII.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

53.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này, giữa:

- (a) Cổ đông với Công ty;
- (b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10)

ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 53.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
- 53.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIV.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 54.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định
- 54.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 55. Ngày hiệu lực

- 55.1. Bản điều lệ này gồm 14 chương, 55 Điều được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Trường Sơn 185 nhất trí thông qua tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất ngày ... tháng năm 2016.
- 55.2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 55.3. Điều lệ được lập thành **mười (10) bản gốc**, có giá trị như nhau, trong đó:
- a) **01 bản được nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.**
 - b) **05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.**
 - c) **04 bản lưu giữ tại Văn phòng công ty.**
- 55.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty mới có giá trị.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯƠNG DANH TRUNG

Chữ ký của các Thành viên HĐQT khác